

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BM
TỈNH VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2022

“V/v T/c ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông L P H;

Ông S M.

- Thư ký phiên tòa: Bà B T H T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 137/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T T M N, sinh năm 1988 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Phù Ly 2, xã ĐB, thị xã BM, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Anh T H N, sinh năm 1985 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Phù Ly 2, xã ĐB, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/6/2022, nguyên đơn chị T T M N trình bày: Vào tháng 11/2010, chị T T M N và anh T H N quen biết và tiến tới hôn nhân. Cả hai có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh VL theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31, quyển 01, ngày 11 tháng 3 năm 2011. Trong quá trình chung sống giữa chị M N và anh N có một người con chung tên: T C S N, sinh ngày 27/8/2012, hiện bé S N sống chung với chị M N. Chị M N và anh N không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Chị Mar N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi Nu làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Chị T T M N nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, đồng thời hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay. Nay chị Mar N yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn anh T H N.
- Về con chung: Chị Mar N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên: T C S N, sinh ngày 27/8/2012, chị Mar N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Do bận đi làm không đến theo giấy triệu tập của Tòa án được nên chị Mar N xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải; xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Chị Mar N là người dân tộc thiểu số nhưng chị Mar N rành tiếng Việt nên không yêu cầu người phiên dịch, không yêu cầu trợ giúp viên trợ giúp pháp lý. Chị Mar N không yêu cầu miễn giảm tiền tạm ứng án phí và án phí, đồng thời cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

* Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14 tháng 6 năm 2022, anh T H N trình bày: Do bận đi làm không đến theo giấy triệu tập của Tòa án được nên anh T H N xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải; xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Anh T H N là người dân tộc thiểu số nhưng anh N rành tiếng Việt nên không yêu cầu người phiên dịch, không yêu cầu trợ giúp viên trợ giúp pháp lý. Anh T H N không yêu cầu miễn giảm tiền tạm ứng án phí và án phí, đồng thời cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Mar N thì anh N có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh N đồng ý yêu cầu ly hôn chị Mar N.
- Về con chung: Anh N đồng ý giao con chung tên: T C S N, sinh ngày 27/8/2012 cho chị Mar N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Xin vắng mặt.
- Bị đơn: Xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM (Theo xác nhận đề ngày 29/4/2022 của công an xã DB), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị T T M N và anh T H N có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm được tiến hành vào ngày 19/7/2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị T T M N và anh T H N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ Nu; cùng Nu chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị Mar N và anh N thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm và thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ Nu làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, chị Mar N và anh N đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mar N và anh T H N là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T T M N và anh T H N có một người con chung tên: T C S N, sinh ngày 27/8/2012. Chị Mar N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị Mar N và ý kiến của anh N đồng ý giao cho chị Mar N trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của bé T C S N tại bản tự khai đề ngày 29/4/2022, bé Sô Nat có nguyện vọng được sống chung với chị T T M N.

Hội đồng xét xử nhận định như sau: Để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, tinh thần của bé T C S N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T T M N giao bé T C S N cho chị Mar N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Mar N và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị T T M N là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 9, Điều 19, Điều 55 và Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia

đình và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T T M N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T T M N và anh T H N thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Giao bé T C S N, sinh ngày 27/8/2012 cho chị T T M N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T H N không cấp dưỡng nuôi con. Anh T H N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.
4. Về án phí: Chị T T M N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Mar N được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012614, ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị Mar N đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân xã Trà Côn: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T